

Bản án số: **681/2017/HNGĐ-PT**

Ngày: 31 - 7 - 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Loan

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2017/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 473/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 546/2017/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim P1 - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thể hiện nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim P1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 08/12/1998.

Hạnh phúc vợ chồng chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà P1.

Về con chung: Ông và bà P1 có 04 con chung là: Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh ngày 09/5/1999; Nguyễn Hoàng Anh Tú, sinh ngày 02/12/2005; Nguyễn Hoàng Thiên, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Hoàng P2, sinh ngày 16/8/2007. Ông yêu cầu trực tiếp nuôi hai trẻ Tuấn và Tú, giao cho bà P1 trực tiếp nuôi hai trẻ Thiên và P2. Ông cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi trẻ 500.000 đồng/tháng).

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P1 trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung theo lời trình bày của ông T1 là đúng. Sau khi kết hôn, cả hai sống bên gia đình nhà chồng và được mẹ chồng cho đất cất nhà ở từ năm 1998 đến nay. Quá trình chung sống bà luôn làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình. Năm 2013, ông T1 có quan hệ với người đàn bà khác. Đến tháng 6/2014, ông T1 về ép bà ký đơn ly hôn nhưng bà không đồng ý. Năm 2016, ông T1 nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện B chấp nhận cho ông T1 được ly hôn với bà. Không đồng ý với bản án của Tòa B, bà đã làm đơn kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm, ông T1 rút lại đơn khởi kiện. Nay ông T1 tiếp tục xin ly hôn, bà vẫn không đồng ý vì vợ chồng không có gì mâu thuẫn.

Về con chung: Cả 04 con chung là: Nguyễn Hoàng Tuấn, sinh ngày 09/5/1999; Nguyễn Hoàng Anh Tú, sinh ngày 02/12/2005; Nguyễn Hoàng Thiên, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Hoàng P2, sinh ngày 16/8/2007 hiện đang sống cùng với bà.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ngày 24/02/2017, bà P1 nộp đơn yêu cầu phản tố về việc chia căn nhà cấp 4 có giá trị tạm tính là 250.000.000 đồng.

Ngày 27/3/2017, bà P1 có đơn xin rút lại đơn xin chia tài sản chung.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 473/2017/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh T1 là được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 08/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim P1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung có 04 trẻ: Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 09/5/1999; Nguyễn Hoàng Anh T3, sinh ngày 02/12/2005; Nguyễn Hoàng T4, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Hoàng P2, sinh ngày 16/8/2007. Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Thiên và P2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Thiên và P2. Ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi trẻ 500.000 đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 5/2017 cho đến khi 02 trẻ Thiên và P2 lần lượt tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà P1 có đơn yêu cầu thi hành án mà ông T1 chậm thực hiện việc cấp dưỡng số tiền trên thì ông T1 còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi việc cấp dưỡng và mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T1 và bà P1 được quyền, nghĩa vụ thăm nom con đối với trẻ mà ông T1 và bà P1 không trực tiếp nuôi mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà P1.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005309 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B,. Ông T1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim P1 số tiền tạm ứng án phí là 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006064 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/5/2017, bà Nguyễn Thị Kim P1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông T1 trình bày: Ông và bà P1 sống ly thân với nhau đã hơn bốn năm, tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được nên đề nghị Tòa cho ông được ly hôn với bà P1. Về con: Ông T1 nuôi 02 trẻ Tuấn và Tú, còn bà P1 nuôi hai trẻ Thiên và P2. Ông T1 cấp dưỡng nuôi hai trẻ Thiên và P2 là 2.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 1.000.000 đồng) lần lượt cho đến khi các trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Bà P1 trình bày: Bà P1 không đồng ý ly hôn vì cho rằng bà luôn làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ. Sở dĩ, ông T1 muốn ly hôn với bà là do ông T1 thiếu suy nghĩ và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Theo bà P1 hôn nhân giữa bà và ông T1 có thể cải thiện được nên bà không đồng ý ly hôn. Trong trường hợp phải ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả 04 con và đề nghị ông T1 cấp dưỡng nuôi con 6.000.000 đồng/tháng, cấp làm một lần tính đến thời điểm các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Theo hồ sơ thể hiện, ông T1 đã 03 lần làm đơn xin ly hôn với bà P1 vào các năm 2014, 2015, 2016. Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa ông T1 và bà P1 không đạt được hạnh phúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm cho ông T1 được ly hôn với bà P1.

Về con: Ông T1 và bà P1 có 04 con chung là Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 09/5/1999; Nguyễn Hoàng Anh T3, sinh ngày 02/12/2005; Nguyễn Hoàng T4, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Hoàng P2, sinh ngày 16/8/2007. Giao ông T1 nuôi trẻ T2, T3. Giao bà P1 nuôi trẻ T4, P2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con T4, P2 là 2.000.000 đồng/tháng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hôn nhân là việc nam nữ tự nguyện thương yêu và xây dựng hạnh phúc gia đình trong đó cả hai phải tin tưởng và cùng nhau vượt qua mọi khó khăn của

cuộc sống. Tuy nhiên, theo ông T1 trình bày, quá trình chung sống giữa ông và bà P1 trong thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 05 năm trở lại đây xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà P1 thường ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, cuộc sống trở nên ngột ngạt. Phía bà P1 thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn đến mức phải ly hôn. Bà P1 xin đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông T1 và bà P1 kết hôn từ năm 1998. Cả hai thừa nhận, do có những bất đồng nên đôi bên sống ly thân gần 05 năm nay. Năm 2014, ông T1 làm đơn xin ly hôn với bà P1 nhưng không được Tòa chấp nhận. Tháng 9/2015 ông T1 nộp đơn xin ly hôn trở lại, đến khi xét xử phúc thẩm, ông T1 đã rút đơn khởi kiện. Cho thấy ông T1 đã có cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, bà P1 cũng không đưa ra được giải pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa họ đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Bản án sơ thẩm đã quyết định cho ông T1 được ly hôn với bà P1 là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà P1, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho ông T1 được ly hôn với bà P1.

Về con: Ông T1 và bà P1 chung sống có 04 người con chung là Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng Anh T3, Nguyễn Hoàng T4 và Nguyễn Hoàng P2. Khi ly hôn, ông T1 muốn nuôi hai trẻ T2 và T3 còn bà P1 muốn nuôi cả 04 con. Nguyên vọng của trẻ T2, trẻ T3 muốn ở với ba còn nguyên vọng của trẻ T4, trẻ P2 muốn ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Xét thấy, ông T1 và bà P1 đều có đủ điều kiện về kinh tế cũng như tư cách đạo đức để nuôi dạy con. Nếu giao cả 04 con cho bà P1 nuôi tức là sẽ dồn hết trách nhiệm nuôi dạy con cho bà P1 trong khi cả hai đều có nguyên vọng nuôi con. Tòa cấp sơ thẩm quyết định giao hai trẻ Nguyễn Hoàng T2, Nguyễn Hoàng Anh T3 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai trẻ Nguyễn Hoàng T4 và Nguyễn Hoàng P2 cho bà P1 nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ nên giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào nhu cầu của 04 con chung và thu nhập của các bên, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T1 cấp dưỡng nuôi hai con do bà P1 nuôi dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (mỗi trẻ 1.000.000 đồng) nên sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà P1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59, Điều 60, Điều 61 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27, Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim P1. Sửa một phần bản án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T1

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 197 ngày 08/12/1998 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim P1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn Minh T1 và bà Nguyễn Thị Kim P1 có 04 con chung là Nguyễn Hoàng T2, sinh ngày 09/5/1999; Nguyễn Hoàng Anh T3, sinh ngày 02/12/2005; Nguyễn Hoàng T4, sinh ngày 16/8/2007 và Nguyễn Hoàng P2, sinh ngày 16/8/2007. Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2. Ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi trẻ 1.000.000 đồng). Thi hành ngay khi án có hiệu lực pháp luật lần lượt cho đến khi hai trẻ đủ tuổi trưởng thành.

Ông T1, bà P1 được quyền thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung do bên kia nuôi dưỡng, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Kể từ ngày bà P1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T1 không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông T1 còn phải trả cho bà P1 tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà P1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) ông T1 phải chịu nhưng được tính cần trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0005309 ngày 20/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T1 phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim P1 số tiền tạm ứng án phí là 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số

0006064 ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà P1 không phải chịu. Hoàn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà P1 là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006563 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- UBND xã A, huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hồng Loan

Số: **67/QĐ-SCBSBA**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn trong Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 681/2017/HNGĐ-PT ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1973

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 681/2017/HNGĐ-PT ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tại dòng thứ 21 (hai mươi một) và 22 (hai mươi hai) từ trên xuống, trang 6 (sáu) của bản án đã ghi:

“Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ **T4** và **P2**. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ **T2** và **T3**. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2.”

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- UBND xã A, huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Loan

Số: 77/QĐ-SCBSBA

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn trong Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 681/2017/HNGĐ-PT ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp ly hôn, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1970

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P1, sinh năm 1973

Địa chỉ: xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 681/2017/HNGĐ-PT ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Tại dòng thứ 21 (hai mươi một) và 22 (hai mươi hai) từ trên xuống, trang 6 (sáu) của bản án đã ghi:

“Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ **T4** và **P2**. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

“Ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ **T2** và **T3**. Bà P1 trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ T4 và P2.”

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- UBND xã A, huyện B, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/17).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Loan